TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2023/TLST - HNGĐ ngày 09/6/2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975, *(đề nghị xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đăk Rlấp, tỉnh Đăk Nông

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân Q, sinh năm 1973, (*vắng mặt)*

Cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; Cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Lê Xuân Q tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nay là xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 27 tháng 12 năm 1997. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nên thường xuyên cãi vã, năm 2019 anh Q phạm tội trộm cắp tài sản đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q Ngãi xử phạt 02 năm tù. Tháng 01/2021 sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh Q đã về quê sinh sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M ở thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương còn mẹ con chị vẫn ăn ở sinh sống tại thôn 3, Đ. Vợ chồng ly thân từ đó, hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03/7/1998 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/7/2023 bị đơn anh Lê Xuân Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nay là xã Q ngày 27/12/1997. Sau ngày cưới anh chị sinh sống tại xã Q đến năm 2008 chuyển vào Đăk Rlấp, tỉnh Đăk Nông thuê nhà và sinh sống tại đây. Vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, năm 2008 anh làm bảo vệ, do suy nghĩ nông nổi nhất thời đã phạm tội trộm cắp tài sản, anh bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã và đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q Ngãi xử phạt 02 năm tù. Sau khi ra trại anh có về ăn ở sinh sống cùng chị T được khoảng 02 tháng, do mẹ đẻ anh làm nhà nên anh đã về sinh sống cùng với mẹ tại xã Q từ tháng 03/2021 cho đến nay, tuy nhiên khi con gái lớn lấy chồng anh cũng vào Đăk Rlấp để cùng với chị T tổ chức đám cưới cho con sau đó anh lại ra sinh sống tại thôn B, xã Q còn chị T vẫn sinh sống tại Đăk Rlấp. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03/7/1998 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Q, chị T là con dâu bà. Anh chị T Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nay là xã Q ngày 27/12/1997. Sau ngày cưới anh chị về sinh sống cùng bà tại thôn B, xã

Q đến năm 2008, anh chị thuê nhà và sinh sống tại Đăk RLấp, quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, tuy anh Q có mắc sai lầm vi phạm pháp luật đã chấp hành xong án, tháng 01/2021 anh Q đã về ăn ở sinh sống cùng bà tại xã Q, chị T và các con vẫn sinh sống tại Đăk RLấp, vợ chồng vẫn quan tâm trách nhiệm với nhau. Tháng 5/2023 bà bị ốm chị T vẫn về thăm nom chăm sóc bà. Bà không biết lý do vì sao chị T xin ly hôn anh Q, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì hiện nay các con đã lớn rất cần sự trọn vẹn của bố mẹ. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Trưởng thôn và chi hội trưởng phụ nữ thôn B, xã Q đều thống nhất trình bày*: Anh chị T Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nay là xã Q ngày 27/12/1997 sau đó anh chị chuyển vào sinh sống tại Đăk Rlấp. Anh Q hiện nay sinh sống cùng mẹ đẻ tại xã Q còn chị T và các con vẫn sinh sống tại Đăk Rlấp, do hai bên sống mỗi người một nơi nên đoàn thể thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn mặt khác gia đình không nhờ cơ sở thôn hòa giải. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn anh Lê Xuân Q. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Xuân Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

nguyên, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Xuân Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hợp Đức nay là xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 27/12/1997 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã. Anh Q đã vi phạm pháp luật, sau khi ra trại không sinh sống cùng chị mà về ở cùng mẹ đẻ tại xã Q. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau, thực tế chị T và anh Q đang sinh sống mỗi người một nơi xa cách về vị trí địa lý. Anh Q tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, Tòa án đã 02 lần hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Q chỉ có mặt tại Tòa án một lần sau đó vắng mặt, chứng tỏ mong muốn đoàn tụ của Q là không thiện chí. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà. Xử cho chị T được ly hôn anh Q để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03/7/1998 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T, anh Q tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn anh Lê Xuân Q.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003577 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (Chị T đã thi hành xong về án phí)

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Q.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài